

UBND PHƯỜNG ĐỒNG HỚI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTQĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 391 /BQL

Đồng Hới, ngày 01 tháng 4 năm 2026

Về việc công khai Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình Tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc Lộ 1A tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Đợt 1).

Kính gửi:

- UBND phường Đồng Thuận;
- Các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v ban hành quy định mức bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình V/v ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2025/NQ – HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về quy định Bảng giá đất áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Công văn số 212/UBND-NNMT ngày 19/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v áp dụng giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Công văn số 273/SNNMT-QLĐĐ ngày 14/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị V/v đề nghị cho chủ trương áp dụng lựa chọn quy định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Công văn số 69/SNNMT-QLĐĐ ngày 09/7/2025 của Sở Nông nghiệp và môi trường V/v lựa chọn quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Công văn số 80/UBND-NNMT ngày 14/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn;

Căn cứ Công văn số 169/UBND-NNMT ngày 12/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v tấp dụng đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất và mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 232/TB-UBND ngày 14/10/2025 của UBND phường Đồng Thuận về việc thu hồi đất để thực hiện công trình xây dựng tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc lộ 1A tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 1);

Căn cứ Thống kê kết quả chỉnh lý địa chính phục vụ thu hồi đất, tờ bản đồ địa chính số 25,56 tại Lộc Ninh, phường Đồng Thuận do Trung tâm kỹ thuật Nông nghiệp và Môi trường lập ngày 25/8/2025 được Sở Nông nghiệp và môi trường ký duyệt ngày 28/8/2025;

Căn cứ Biên bản về việc lấy ý kiến về phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm của hộ gia đình có đất thu hồi để GPMB thực hiện dự án xây dựng tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi quốc lộ 1A ngày 20/10/2025;

Căn cứ Công văn số 1027/UBND- KTHĐT ngày 11/12/2025 của UBND phường Đồng Thuận về việc phúc đáp các đối tượng được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm do GPMB xây dựng tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc Lộ 1A, tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 1);

Căn cứ Công văn số 1048/UBND- KTHTĐT ngày 15/12/2025 của UBND phường Đồng Thuận về việc phúc đáp nguồn gốc hình thành tài sản của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB xây dựng tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc lộ 1A tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Công văn số 1090/UBND- KTHTĐT ngày 19/12/2025 của UBND phường Đồng Thuận về phúc đáp tỷ lệ % (phần trăm) diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi trên tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc lộ 1A, tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Đợt 1);

Căn cứ Công văn số 142/KTHTĐT ngày 02/02/2026 của UBND phường Đồng Thuận về cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất công trình xây dựng tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc lộ 1A tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị và Chứng thư định giá đất số 02/CT-BQL ngày 28/4/2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ Đồng Hới;

Căn cứ Công bố số 2489/CB-SXD ngày 25/9/2025 của Sở Xây dựng Công bố giá VLXD quý III năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Công văn số 30/TTPVHCC ngày 31/3/2026 của Trung tâm phục vụ hành chính công phường Đồng Thuận về việc cung cấp thông tin phí, lệ phí;

Căn cứ Công văn số 433/VPĐKĐĐ-KHTC ngày 10/9/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai về việc áp dụng thu Giá dịch vụ công thuộc lĩnh vực đất đai;

Căn cứ biên bản kiểm kê khối lượng tài sản bị ảnh hưởng do GPMB và các hồ sơ liên quan.

Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới lập Dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc lộ 1A tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Đợt 1).

(Có Dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ kèm theo).

Để thực hiện đúng theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội và hoàn thiện phương án bồi thường đúng chính sách, chế độ quy định hiện hành của Nhà nước, Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới phối hợp với UBND phường Đồng Thuận; tổ chức niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc lộ 1A tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Đợt 1).

Thời gian niêm yết công khai: 10 ngày, kể từ ngày 01/4/2026 đến ngày 11/4/2026.

Địa điểm niêm yết công khai: Địa điểm niêm yết công khai: Tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Đồng Thuận, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu

hồi, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân phường Đồng Thuận và gửi trực tiếp cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng.

Các kiến nghị, đề xuất của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng đề nghị gửi cho Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới - Địa chỉ: Tầng 5 - Trụ sở UBND phường Đồng Hới - số 88 Phạm Văn Đồng, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị chậm nhất đến ngày **11/4/2026**.

Sau khi hết thời hạn niêm yết công khai Dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ, Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới sẽ phối hợp với UBND phường Đồng Thuận, UBMT TQVN phường Đồng Thuận tổ chức họp với các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng để tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý về Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ; hoàn chỉnh phương án trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định phê duyệt theo đúng quy định.

Để việc bồi thường GPMB thực hiện dự án đúng tiến độ, kính đề nghị UBND phường Đồng Thuận quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KT, HT và ĐT, phường Đồng Thuận (để biết);
- Lưu: VT, GPMB.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Hương Giang

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
Công trình: Tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc lộ 1A tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Đợt 1).
(Kèm theo Công văn số: **391** /BQL ngày **01** tháng **4** năm 2026 của Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới)

IV/ CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội;
- Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Căn cứ Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;
- Căn cứ Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ Nghị định 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc Hội quy định một số cho chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Căn cứ Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/20224 của UBND tỉnh Quảng Bình V/v ban hành quy định mức bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;
- Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;
- Căn cứ Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/20224 của UBND tỉnh Quảng Bình V/v ban hành quy định mức bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;
- Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024;
- Căn cứ Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định về bảng giá đất áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Căn cứ Công văn số 212/UBND-NNMT ngày 19/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v áp dụng giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Căn cứ Công văn số 273/SNNMT-QLĐĐ ngày 14/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị V/v đề nghị cho chủ trương áp dụng lựa chọn quy định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Căn cứ Nghị quyết số 226/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình Thông qua danh mục công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;
- Căn cứ Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình v/v phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Đồng Hới;
- Căn cứ Công văn số 69/SNNMT-QLĐĐ ngày 09/7/2025 của Sở Nông nghiệp và môi trường V/v lựa chọn quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;
- Căn cứ Công văn số 80/UBND-NNMT ngày 14/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn;
- Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 232/TB-UBND ngày 14/10/2025 của UBND phường Đồng Thuận về việc thu hồi đất để thực hiện công trình xây dựng tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc lộ 1A tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 1);
- Căn cứ Thông kê kết quả chỉnh lý địa chính phục vụ thu hồi đất, tờ bản đồ địa chính số 25,56 tại Lộc Ninh, phường Đồng Thuận do Trung tâm kỹ thuật Nông nghiệp và Môi trường lập ngày 25/8/2025 được Sở Nông nghiệp và môi trường ký duyệt ngày 28/8/2025;
- Căn cứ Biên bản về việc lấy ý kiến về phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm của hộ gia đình có đất thu hồi để GPMB thực hiện dự án xây dựng tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi quốc lộ 1A ngày 20/10/2025;
- Căn cứ Công văn số 5142/KTHĐTĐ ngày 02/02/2026 của Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường Đồng Thuận về việc cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi do GPMB thực hiện công trình tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc lộ 1A tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kèm theo Chứng thư số 02/CT-BQL ngày 28/01/2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới;
- Căn cứ Công văn số 1027/UBND- KTHĐTĐ ngày 11/12/2025 của UBND phường Đồng Thuận về việc phúc đáp các đối tượng được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm do GPMB xây dựng tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc lộ 1A, tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 1);
- Căn cứ Công văn số 1048/UBND- KTHĐTĐ ngày 15/12/2025 của UBND phường Đồng Thuận về việc phúc đáp nguồn gốc hình thành tài sản của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB xây dựng tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc lộ 1A tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị;
- Căn cứ Công văn số 1090/UBND- KTHĐTĐ ngày 19/12/2025 của UBND phường Đồng Thuận về phúc đáp tỷ lệ % (phần trăm) diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi trên tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc lộ 1A, tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Đợt 1);

Căn cứ Công văn số 142/KTHT&ĐT ngày 02/02/2026 của UBND phường Đồng Thuận về việc cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất công trình xây dựng tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc Lộ 1A tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị và Chứng thư định giá đất số 02?CT_BQL ngày 28/01/2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ Đồng Hới;

- Căn cứ Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng kỳ ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới;
- Căn cứ Công văn số 30/TTPVHCC ngày 31/3/2023 của Trung tâm phục vụ hành chính công phường Đồng Thuận v/v cung cấp thông tin phí, lệ phí;
- Căn cứ Công văn số 433/VP ĐK Đ-D-KHTC ngày 10/9/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai v/v áp dụng thu Giá dịch vụ công thuộc lĩnh vực đất đai;
- Căn cứ biên bản kiểm kê khối lượng và các hồ sơ liên quan;

II/ NỘI DUNG:

1/ Tổng diện tích đất thu hồi:

9.853,1 m²

Trong đó:

- Diện tích đất hộ gia đình cá nhân sử dụng: 1.534,2 m²
- + Đất trồng cây hàng năm khác (HNK): 1.321,9 m²
- + Đất trồng cây lâu năm (CLN): 212,3 m²
- Diện tích đất tổ chức sử dụng đất: 1.068,1 m²
- + Đất trồng cây lâu năm (CLN): 1.068,1 m²
- Diện tích đất tổ chức quản lý: 7.250,8 m²
- + Đất giao thông (DGT): 7.250,8 m²

2/ Tổng số người có đất thu hồi: 08 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức bị ảnh hưởng.

3/ Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không

4/ Phương án bố trí tái định cư: Không

5/ Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Không

6/ Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không.

7/ Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

đồng

a/ Tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

840.111.000 đồng

- Bồi thường về đất:

85.914.000 đồng

- Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:

365.885.000 đồng

- Các khoản hỗ trợ:

388.312.000 đồng

b/ Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Chưa phê duyệt đợt này.



8/ Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

- Thời gian thực hiện chi trả tiền: Sau khi có Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND phường Đồng Thuận.
- Thời gian nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng: Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới có thông báo chi trả tiền lần đầu.

9/ Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

TT	Họ và tên Danhs mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Họ và tên Danhs mục bồi thường, hỗ trợ											
1/	Bà: Lê Thị Chung - CCCD: 044172004935 - Địa chỉ: TDP4 Lọc Đại, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị. - Nơi ở hiện nay: TDP4 Lọc Đại, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị. - Điện thoại: 0918.427.244			Giá trị làm tròn số đến hàng nghìn				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	133.186.000	
								Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
								17.802.400	21.590.000	93.794.240		
A	Bồi thường về đất:							17.802.400				
	Bồi thường về đất căn cứ quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Đất đai năm 2024											
	(Giá đất để tính bồi thường căn cứ Công văn số 142/KTHTĐT ngày 02/02/2026 của phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường Đồng Thuận kèm theo											
	Chứng thư định giá đất số 02/CT-BQL ngày 28/01/2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới)											
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) thửa đất số 644(1). TĐĐ số 25.	m²	169,6	56.000				9.497.600				
	Nguồn gốc sử dụng: Đất được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ ngày 23/2/2021, thuộc thửa đất số 644, TĐĐ số 25, diện tích 1050,1 m2.											
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) thửa đất số 660(1). TĐĐ số 25.	m²	148,3	56.000				8.304.800				
	Nguồn gốc sử dụng: Đất được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ ngày 29/6/2021, thuộc thửa đất số 660, TĐĐ số 25, diện tích 933,3 m2.											
	Tổng diện tích đất thu hồi:	m²	317,9									
B	Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:											
-	Mưng đường kính Ø > 30 cm	cây	5,0	2.740.000					21.590.000			
												ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Mưng đường kính Ø > 12cm đến ≤ 30 cm	cây	6,0		1.090.000				6.540.000		DG Sst 6.1, mục F, Phụ lục 1, QĐ 12/2025
-	Sanh đường kính 8cm đến ≤ 12 cm	cây	5,0		270.000				1.350.000		DG Sst 6, mụcFI, Phụ lục 1, QĐ 12/2025
	(Riêng sanh, si, đũa, đề giá bằng 50% mức giá trên. Cụ thể: 540.000*50% = 270000đ/cây)										
C	Các khoản hỗ trợ:									93.794.240	
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống:	khẩu	1,00								
-	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 12,28% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 04 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở. Cụ thể: 01 khẩu x 30kg/tháng x 04 tháng	kg	120,0			19.500				2.340.000	
	Tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi 12,28 % được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại GXN số 2106/GXN-UBND ngày 18/9/2025										
	(Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 108 Luật Đất đai 2024; điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; điểm b khoản 1										
	Điều 11 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
	(Giá gạo cần cơ Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng kỳ ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới)										
	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất trồng cây hàng năm, vị trí 1 theo bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	317,9			5.600				1.780.240	
	(Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 11, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)										

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 5 lần * 56.000đ/m ² = 280.000/m ²	m ²	317,9			280.000				89.012.000		
	(Căn cứ khoản 1, Điều 22, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)											
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý GCN QSDĐ đối với thửa đất bị thu hồi	giấy	2,0			331.000				662.000		
	(Căn cứ điểm a, khoản 2, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Bình)											
	Căn cứ Công văn số 30/TTPVHCC ngày 31/3/2026 của Trung tâm phục vụ hành chính công phường Đồng Thuận và Công văn số 433/VP ĐKĐĐ-KHTC ngày 10/9/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai											
2	Bà: Lê Thị Mỹ Thành - CCCD: 044184000454 Địa chỉ: TDP4 Lộc Đại, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị. - Nơi ở hiện nay: TDP4 Lộc Đại, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị. - Điện thoại: 0949.512.852			Giá trị làm tròn số đến hàng nghìn				15.730.000	33.553.000	4.575.000	53.858.000	
								15.730.400	33.553.200	4.575.040		
								15.730.400				
A	Bồi thường về đất											
	Bồi thường về đất căn cứ quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Đất đai năm 2024											
	(Giá đất để tính bồi thường căn cứ Công văn số 142/KTHĐT ngày 02/02/2026 của phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường Đồng Thuận kèm theo Chứng thư định giá đất số 02/CT-BQL ngày 28/01/2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới)											
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK), thửa đất số 645(1), tờ bản đồ số 25	m ²	139,2	56.000				7.795.200,0				
	Nguồn gốc sử dụng: Đất được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ ngày 23/2/2021, thuộc thửa đất số 645, TĐĐ số 25, diện tích 888,6 m ² .											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK), thửa đất số 657(1), tờ bản đồ số 25	m2	141,7	56.000				7.935.200,0			
	Nguồn gốc sử dụng: Đất được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ ngày 29/6/2021, thuộc thửa đất số 657, TBPĐ số 25, diện tích 925,3 m2.										
	Tổng diện tích đất thu hồi:	m²	280,9								
B	Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:								33.553.200		
-	Hàng rào xây gạch, chưa tô trát móng xây đá hộc, hàng rào cao 1,2 m. Tường dài 12m. KT: 12*1,2	m2	14,4	1.177.000			80%		13.559.040	ĐG Sít 19,22, mục VI, phần B, Phụ lục 1, QĐ 23/2026	
	(Tài sản tạo lập năm 2012 theo kê khai của gia đình)										
	(Hàng rào do gia đình tạo lập được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại Công văn số 1048/UBND ngày 15/12/2025).										
	Tài sản tạo lập trái quy định trên đất HNK, không được bồi thường quy định tại khoản 2, Điều 105 Luật Đất đai 2024 nhưng được hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 8										
	Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 23/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định. Lý do: Tài sản xây dựng trái mục đích, xây dựng trước ngày 01/7/2014 và quá trình tạo lập không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền.										
+	Giảm số tiền tường rào xây thấp hơn quy định 20cm, cứ 10cm giảm tương ứng 51.000đ/m2 (đơn giá hàng rào cao 1,4m) KT: 12*0,2	m2	2,4	-102.000			80%		-195.840		
	(Căn cứ mục 2.3, Phụ lục IV Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh)										
-	Mung đường kính > 30 cm	Cây	3,00		2.740.000				8.220.000	ĐG Sít 6,1, mục F, Phụ lục 1, QĐ 12/2025	
-	Mung đường kính 12 cm đến ≤ 30 cm	Cây	9,00		1.090.000				9.810.000	ĐG Sít 6,1, mục F, Phụ lục 1, QĐ 12/2025	
-	Bồ đề đường kính 8 cm < Ø ≤ 12 cm	Cây	8,00		270.000				2.160.000	ĐG Sít 6,1, mục F, Phụ lục 1, QĐ 12/2025	
	(Riêng sanh, si, đũa, để giá bằng 50% mức giá trên. Cụ thể: 540000*50% = 270000đ/cây)										
C	Các khoản hỗ trợ:										
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống:	khẩu	1,00								

phai *luu*

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 14,26 % diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 04 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở. Cụ thể: 01 khẩu x 30kg/tháng x 04 tháng	kg	120,0			19.500				2.340.000		
	Tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi 14,26 % được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại GXN số 2106/GXN-UBND ngày 18/9/2025											
	(Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 108 Luật Đất đai 2024; điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; điểm b khoản 1 Điều 11 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
	(Giá gạo căn cứ Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng kỳ ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới)											
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất . Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất trồng cây hàng năm, vị trí 1 theo bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	280,9			5.600				1.573.040		
	(Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 11, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)											
	Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình)											
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.	m ²	280,9							0		
	(Bà Lê Thị Mỹ Thành là cán bộ, công chức, viên chức được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại Công văn số 1027/UBND-KTHT&ĐT ngày 11/12/2025 nên không được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm quy định tại khoản 1, Điều 22, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ).											
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý GCN QSDĐ đối với thửa đất bị thu hồi	giấy	2,0			331.000				662.000		
	(Căn cứ điểm a, khoản 2, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Bình)											
	Căn cứ Công văn số 30/TTP/VHCC ngày 31/3/2026 của Trung tâm phục vụ hành chính công phường Đồng Thuận											
	Công văn số 433/VP ĐKĐĐ-KHTC ngày 10/9/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Ông: Lê Xuân Trường - CCCD: 044077001045 - Địa chỉ: TDP4 Lộc Đại, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị. - Nơi ở hiện nay: TDP4 Lộc Đại, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị. - Điện thoại: 0823.889.167			Giá trị làm tròn số đến hàng nghìn				16.055.000	37.887.000	84.884.000	138.826.000	
3/								16.055.200	37.886.800	84.883.520		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất:</u>							<u>16.055.200</u>				
	Bồi thường về đất căn cứ quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Đất đai năm 2024											
	(Giá đất để tính bồi thường căn cứ Công văn số 142/KTHTĐT ngày 02/02/2026 của phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường Đồng Thuận kèm theo											
	Chứng thư định giá đất số 02/CT-BOL ngày 28/01/2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới)											
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK)	m ²	139,5	56.000				7.812.000				
	thửa đất số 646(1). TBD số 25.											
	Nguồn gốc sử dụng: Đất được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ ngày 23/2/2021, thuộc thửa đất số 646, TBD số 25, diện tích 920,1 m2.											
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK)	m ²	147,2	56.000				8.243.200				
	thửa đất số 659(1). TBD số 25.											
	Nguồn gốc sử dụng: Đất được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ ngày 29/6/2021, thuộc thửa đất số 659, TBD số 25, diện tích 931,5 m2.											
	Tổng diện tích đất thu hồi:	m ²	286,7									
<u>B</u>	<u>Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:</u>											
	Hàng rào xây gạch, chưa tô trát móng											
-	xây đá học, hàng rào cao 1,2 m,	m ²	15,6									
	Tường dài 13m. KT: 13,0*1,2											
	(Tài sản tạo lập năm 2012 theo kê khai của gia đình)											
	(Hàng rào do gia đình tạo lập được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại Công văn số 1048/UBND ngày 15/12/2025).											
	Tài sản tạo lập trái quy định trên đất HNK, không được bồi thường quy định tại khoản 2, Điều 105 Luật Đất đai 2024 nhưng được hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 8											
	Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 23/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định. Lý do: Tài sản xây											
	dựng trái mục đích, xây dựng trước ngày 01/7/2014 và quá trình tạo lập không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền.											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
+	Giảm số tiền tường rào xây thấp hơn quy định 20cm, cứ 10cm giảm tương ứng 51.000đ/m ² (đơn giá hàng rào cao 1,4m) KT: 13,0*0,2	m ²	2,6		-102.000		80%		-212.160			
	(Căn cứ mục 2.3, Phụ lục IV Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh)											
-	Mưng đường kính > 30 cm	cây	4,0		2.740.000				10.960.000		ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025	
-	Mưng đường kính 12cm đến ≤ 30 cm	cây	9,0		1.090.000				9.810.000		ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025	
-	Bồ đề đường kính 8 cm < Ø ≤ 12 cm	cây	4,0		540.000				2.160.000		ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025	
-	Bạch đàn đường kính 8 cm < Ø ≤ 12 cm	cây	16,0		30.000				480.000		ĐG Stt 2.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025	
C	Các khoản hỗ trợ:									84.883.520		
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống:	khẩu	1,00									
-	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 13,45 % diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 04 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở. Cụ thể: 01 khẩu x 30kg/tháng x 04 tháng	kg	120,0			19.500				2.340.000		
	Tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi 13,45 % được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại GXN số 2106/GXN-UBND ngày 18/9/2025											
	(Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 108 Luật Đất đai 2024; điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; điểm b khoản 1 Điều 11 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
	(Giá gáo căn cứ Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng kỳ ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới)											
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất . Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất trồng cây hàng năm, vị trí 1 theo bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	286,7			5.600				1.605.520		

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất		
(Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 11, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)											
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 5 lần * 56.000đ/m2 = 280.000/m2		m ² 286,7			280.000			80.276.000		
(Căn cứ khoản 1, Điều 22, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)											
	29/10/2024 của UBND tỉnh)										
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý GCN QSDĐ đối với thửa đất bị thu hồi	giấy	2,0			331.000			662.000		
(Căn cứ điểm a, khoản 2, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Bình)											
Căn cứ Công văn số 30/TPVHCC ngày 31/3/2026 của Trung tâm phục vụ hành chính công phường Đồng Thuận											
Công văn số 433/VP ĐKĐĐ-KHTC ngày 10/9/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai											
	Bà: Lê Thị Hà			Giá trị làm tròn số đến hàng nghìn			8.064.000	56.962.000	43.212.000	108.238.000	
	- CCCD: 044164009318										
4/	- Địa chỉ: TDP6 Lộc Đại, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị.										
	- Nơi ở hiện nay: TDP6 Lộc Đại, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị.							8.064.000	56.962.000	43.212.400	
	- Điện thoại: 0368.731.553										
A	Bồi thường về đất:							8.064.000			
Bồi thường về đất căn cứ quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Đất đai năm 2024											
(Giá đất để tính bồi thường căn cứ Công văn số 142/KTHTDT ngày 02/02/2026 của phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường Đồng Thuận kèm theo											
Chứng thu định giá đất số 02/CT-BQL ngày 28/01/2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới)											
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) thửa đất số 658(1). TBD số 25.	m ²	144,0	56.000				8.064.000			
Nguồn gốc sử dụng: Đất được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ ngày 29/6/2021, thuộc thửa đất số 658, TBD số 25, diện tích 928,9 m2.											
B	Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:							56.962.000			

(Handwritten signatures and initials)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hàng rào xây gạch, chưa tô trát móng xây đá hộc, hàng rào cao 1,2 m chiều dài 20,0 m, KT: 20,0*1,2 (Tài sản tạo lập năm 2012 theo kê khai của gia đình)	m ²	24,0		1.177.000		80%		22.598.400			ĐG Stt 19.22, mục VI, phần B, Phụ lục I, QĐ 23/2026
	(Hàng rào do gia đình tạo lập được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại Công văn số 1048/UBND ngày 15/12/2025).											
	Tài sản tạo lập trái quy định trên đất HNK, không được bồi thường quy định tại khoản 2, Điều 105 Luật Đất đai 2024 nhưng được hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 8											
	Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 23/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định. Lý do: Tài sản xây dựng trái mục đích, xây dựng trước ngày 01/7/2014 và quá trình tạo lập không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền.											
+	Giảm số tiền tường rào xây thấp hơn quy định 20cm, cứ 10cm giảm tương ứng 51.000đ/m ² (đơn giá hàng rào cao 1,4m) KT: 20,0*0,2 (Căn cứ mục 2.3, Phụ lục IV Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh)	m ²	4,0		-102.000		80%		-326.400			
-	Mưng đường kính > 30 cm	cây	6,0		2.740.000				16.440.000			ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025
-	Mưng đường kính 12cm đến ≤ 30 cm	cây	16,0		1.090.000				17.440.000			ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025
-	Bồ đề đường kính 8 cm < Ø ≤ 12 cm	cây	3,0		270.000				810.000			ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025
	(Riêng sanh, si, đa, đề giá bằng 50% mức giá trên. Cụ thể: 540000*50% = 270000đ/cây)											
C	Các khoản hỗ trợ:											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống:	khẩu	1,00							43.212.400		
-	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 3,78 % diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở. Cụ thể: 01 khẩu x 30kg/tháng x 03 tháng	kg	90,0							1.755.000		
	Tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi 3,78 % được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại GXN số 2106/GXN-UBND ngày 18/9/2025											
	(Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 108 Luật Đất đai 2024; điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; điểm a khoản 1											
	Điều 11 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
	(Giá gạo căn cứ Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng kỳ ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới)											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất trồng cây hàng năm, vị trí 1 theo bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	144,0			5.600				806.400	
	(Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 11, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)										
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 5 lần * 56.000đ/m ² = 280.000/m ²	m ²	144,0			280.000				40.320.000	
	(Căn cứ khoản 1, Điều 22, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)										
	29/10/2024 của UBND tỉnh)										
	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý GCN QSDĐ đối với thửa đất bị thu hồi	giấy	1,0			331.000				331.000	
	(Căn cứ điểm a, khoản 2, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Bình)										
	Căn cứ Công văn số 30/TTPVHCC ngày 31/3/2026 của Trung tâm phục vụ hành chính công phường Đồng Thuận										
	Công văn số 433/VP ĐKĐĐ-KHTC ngày 10/9/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai										
	Ông Bà: Nguyễn Thanh Lâm - Lê Thị Liên			Giá trị làm tròn số đến hàng nghìn				4.211.000	20.296.000	26.488.000	50.995.000
	- CCCD:										
5/	- Địa chỉ: TDP7 Phú Xá, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị.							4.211.200	20.295.900	26.488.120	
	- Nơi ở hiện nay: TDP7 Phú Xá, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị.										
	- Điện thoại: 0935.269.798										

 

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
A	Bồi thường về đất:							4.211.200				
	Bồi thường về đất căn cứ quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Đất đai năm 2024											
	(Giá đất để tính bồi thường căn cứ Công văn số 142/KTHĐT ngày 02/02/2026 của phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường Đồng Thuận kèm theo Chứng thư định giá đất số 02/CT-BQL ngày 28/01/2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới)											
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) thửa đất số 672(1). TĐĐ số 25.	m ²	75,2	56.000				4.211.200				
	Nguồn gốc sử dụng: Đất được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ ngày 01/3/2022, thuộc thửa đất số 672, TĐĐ số 25, diện tích 535,4 m2.											
B	Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:								20.295.900			
-	Mưng đường kính > 30 cm	cây	4,0		2.740.000				10.960.000			ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025
-	Mưng đường kính 12cm đến ≤ 30 cm	cây	8,0		1.090.000				8.720.000			ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025
-	Sanh đường kính < 5cm đến ≤ 8 cm	cây	2,0		270.000				540.000			ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025
	(Riêng sanh, si, đa, đề giá bằng 50% mức giá trên. Cụ thể: 540000*50% = 70000đ/cây)											
-	Phi lao đường kính 4 cm đến ≤ 6 cm	cây	3,0		25.300				75.900			ĐG Stt 2.1, mục D, Phụ lục I, QĐ 12/2025
C	Các khoản hỗ trợ:									26.488.120		
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống:	khẩu	2,00									
-	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 14,05 % diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 04 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở. Cụ thể: 02 khẩu x 30kg/tháng x 04 tháng	kg	240,0				19.500			4.680.000		
	Tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi 14,05 % được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại GXN số 2106/GXN-UBND ngày 18/9/2025											
	(Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 108 Luật Đất đai 2024; điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; điểm b khoản 1 Điều 11 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
	(Giá gạo căn cứ Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng kỳ ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới)											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất trồng cây hàng năm, vị trí 1 theo bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	75,2			5.600				421.120	
(Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 11, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)											
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 5 lần * 56.000đ/m ² = 280.000/m ²	m ²	75,2			280.000				21.056.000	
(Căn cứ khoản 1, Điều 22, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)											
	29/10/2024 của UBND tỉnh)										
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý GCN QSDĐ đối với thửa đất bị thu hồi	giấy	1,0			331.000				331.000	
(Căn cứ điểm a, khoản 2, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Bình)											
Căn cứ Công văn số 30/TTPT/HCC ngày 31/3/2026 của Trung tâm phục vụ hành chính công phường Đồng Thuận											
Công văn số 433/VP ĐKĐĐ-KHTC ngày 10/9/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai											
6/	Ông Bà: Nguyễn Thanh Xuân - Mai Thị Hương Giang			Giá trị làm tròn số đến hàng nghìn							
	- CCCD: 044082007289 - Địa chỉ: TDP Phú Xá, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị. - Nơi ở hiện nay: TDP Phú Xá, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị. - Điện thoại: 0935.269.798							4.368.000	21.849.000	27.288.000	53.505.000
								4.368.000	21.848.540	27.287.800	

ĐBT *LD*

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
A	Bồi thường về đất:							4.368.000				
	Bồi thường về đất căn cứ quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Đất đai năm 2024											
	(Giá đất để tính bồi thường căn cứ Công văn số 142/KTHTĐT ngày 02/02/2026 của phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường Đồng Thuận kèm theo											
	Chứng thư định giá đất số 02/CT-BQL ngày 28/01/2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới)											
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) thửa đất số 673(1). TĐĐ số 25.	m ²	78,0	56.000				4.368.000				
	Nguồn gốc sử dụng: Đất được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ ngày 01/3/2022, thuộc thửa đất số 673, TĐĐ số 25, diện tích 559,4 m ² .											
B	Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:								21.848.540			
-	Cống hộp thoát nước BTCT cao 0,9 dài 4m, rộng 0,9 (tài sản tạo lập năm 2019 do hộ gia đình tự kê khai). KT: 4,0*0,9*0,9	m3	3,240		1.576.000				5.106.240		ĐG stt 47.1, mục VI, phần B, PL I, QĐ 23/2026	
	(Tài sản do gia đình tạo lập được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại Công văn số 1048/UBND ngày 15/12/2025).											
	(Bồi thường căn cứ khoản 11 Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Huê đường kính 15 cm đến ≤ 25 cm	cây	11,0		500.700				5.507.700		ĐG Stt 8.1, mục D, Phụ lục I, QĐ 12/2025	
-	Cau vua đường kính < 20 cm	cây	2,0		309.000				618.000		ĐG Stt 8, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025	
-	Phát tài đường kính > 10 cm đến ≤ 15 cm	cây	1,0		119.400				119.400		ĐG Stt 8, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025	
	(Áp theo giá sung, đào, ngọc lan, liễu ... và các loài cây tương tự)											
-	Khế cây từ năm thứ 4 đến hết năm thứ 8	cây	2,0		1.145.400				2.290.800		ĐG Stt 16.1, mục B, Phụ lục I, QĐ 12/2025	
-	Mai cây đường kính 5 cm đến < 10 cm	cây	1,0		685.600				685.600		ĐG Stt 4, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025	
-	Bơ cây từ năm thứ 8 đến hết năm thứ 12	cây	2,0		3.760.400				7.520.800		ĐG Stt 17.1, mục B, Phụ lục I, QĐ 12/2025	
C	Các khoản hỗ trợ:									27.287.800		
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống:	khẩu	2,00									
-	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 13,94 % diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 04 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở. Cụ thể: 02 khẩu x 30kg/tháng x 04 tháng	kg	240,0				19.500				4.680.000	

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thanh tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi 13,94 % được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại GXN số 2106/GXN-UBND ngày 18/9/2025										
	(Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 108 Luật Đất đai 2024; điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; điểm b khoản 1 Điều 11 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										

(Giá báo căn cứ Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng kỳ ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới)											
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất trồng cây hàng năm, vị trí 1 theo bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 56.000đ/m2 x 10% = 5.600đ/m2	m ²	78,0			5.600			436.800		
(Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 11, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)											
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 5 lần * 56.000đ/m2 = 280.000/m2	m ²	78,0			280.000			21.840.000		

(Căn cứ khoản 1, Điều 22, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)											
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý GCN QSDĐ đối với thửa đất bị thu hồi	giấy	1,0			331.000			331.000		
(Căn cứ điểm a, khoản 2, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Bình)											
Căn cứ Công văn số 30/TPVHCC ngày 31/3/2026 của Trung tâm phục vụ hành chính công phường Đồng Thuận											
Công văn số 433/VP ĐKĐD-KHTC ngày 10/9/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai											
Ông Bà: Nguyễn Thanh Cương - Dương Thị Hoài Thọ				Giá trị làm tròn số đến hàng nghìn		7.795.000	33.304.000	44.767.000	85.866.000		

 

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
7/	- CCCD: 044085012954 - Địa chỉ: TDP Hữu Cung, Lộc Ninh, Phường Đồng Thuận - Nơi ở hiện nay: TDP Hữu Cung, Lộc Ninh, Phường Đồng Thuận - Điện thoại: 0967.360.888							7.795.200	33.304.000	44.766.520		
A	Bồi thường về đất: Bồi thường về đất căn cứ quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Đất đai năm 2024							7.795.200				
	(Giá đất để tính bồi thường căn cứ Công văn số 142/KTHTĐT ngày 02/02/2026 của phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường Đồng Thuận kèm theo											
	Chứng thư định giá đất số 02/CT-BQL ngày 28/01/2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới)											
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) thửa đất số 674(1). TĐĐ số 25.	m ²	139,2	56.000				7.795.200				
	Nguồn gốc sử dụng: Đất được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ ngày 01/3/2022, thuộc thửa đất số 674, TĐĐ số 25, diện tích 1.012,5 m2.											
B	Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:								33.304.000			
-	Sanh đường kính > 30 cm	cây	2,0	1.370.000					2.740.000		ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025	
	(Riêng sanh, si, đa, đề giá bằng 50% mức giá trên. Cụ thể: 2.740.000*50% = 1.370.000đ/cây)											
-	Huê đường kính 25 cm < Ø ≤ 40 cm	cây	10,0	975.300					9.753.000		ĐG Stt 8.1, mục D, Phụ lục I, QĐ 12/2025	
-	Cau vua đường kính < 20 cm	cây	7,0	309.000					2.163.000		ĐG Stt 8, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025	
-	Mưng đường kính > 30 cm	cây	6,0	2.740.000					16.440.000		ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025	
-	Buy bê tông thoát nước đường kính 50 cm dài 4m (tài sản tạo lập năm 2019 do hộ gia đình tự kê khai)	m	4,0	552.000					2.208.000		ĐG Stt 37, mục VI, phần B, Phụ lục I, QĐ 23/2026	
	(Tài sản do gia đình tạo lập được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại Công văn số 1048/UBND ngày 15/12/2025).											
	(Bồi thường căn cứ khoản 11 Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
C	Các khoản hỗ trợ:										44.766.520	
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống:	khẩu	2,00									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 13,55 % diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 04 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở. Cụ thể: 02 khẩu x 30kg/tháng x 04 tháng	kg	240,0			19.500				4.680.000	
	Tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi 13,55 % được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại GXXN số 2106/GXXN-UBND ngày 18/9/2025										
	(Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 108 Luật Đất đai 2024; điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; điểm b khoản 1 Điều 11 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										

(Giá gạo căn cứ Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng kỳ ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới)											
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất . Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất trồng cây hàng năm, vị trí 1 theo bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 56.000đ/m2 x 10% = 5.600đ/m2	m ²	139,2			5.600				779.520	
	(Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 11, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)										
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 5 lần * 56.000đ/m2 = 280.000/m2	m ²	139,2			280.000				38.976.000	
	(Căn cứ khoản 1, Điều 22, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)										
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý GCN QSDĐ đối với thửa đất bị thu hồi	giấy	1,0			331.000				331.000	
	(Căn cứ điểm a, khoản 2, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Bình)										

 

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Căn cứ Công văn số 30/TTPVHCC ngày 31/3/2026 của Trung tâm phục vụ hành chính công phường Đồng Thuận											
	Công văn số 433/VP ĐKĐĐ-KHTC ngày 10/9/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai											
8/	Bà: Nguyễn Thị Phước Lộc - CCCD: 044194015790 - Địa chỉ: Lộc Ninh, Phường Đồng Thuận - Nơi ở hiện nay: Lộc Ninh, Phường Đồng Thuận - Điện thoại: 0915.565.555			Giá trị làm tròn số đến hàng nghìn				11.889.000	140.444.000	63.304.000	215.637.000	
A	Bồi thường về đất:											
	Bồi thường về đất căn cứ quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Đất đai năm 2024											
	(Giá đất để tính bồi thường căn cứ Công văn số 142/KTHHĐT ngày 02/02/2026 của phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường Đồng Thuận kèm theo											
	Chứng thư định giá đất số 02/CT-BQL ngày 28/01/2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới)											
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN) thừa đất số 31(1). TĐĐ số 56.	m ²	212,3	56.000				11.888.800				
	Nguồn gốc sử dụng: Đất được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ ngày 21/01/2019, thuộc thửa đất số 31, TĐĐ số 56, diện tích 1.890,4 m2.											
B	Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:											
b.1	Tường rào xây gạch tô trát hoàn chỉnh. Bỏ trụ BTCT, khoảng cách 3m 1 trụ (tiết diện trụ KT: 0,2x0,2) có giằng BTCT trên mặt móng (tiết diện giằng 0,1x0,5), tường xây cao 1,7m, bề móng xây đá hộc xanh sâu 1,5m, bề rộng mặt móng 0,5m. (xây dựng năm 2012 do gia đình tự kê khai).											
	(Hàng rào do gia đình tạo lập được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại Công văn số 1048/UBND ngày 15/12/2025).											
	Tài sản tạo lập trái quy định trên đất CLN, không được bồi thường quy định tại khoản 2, Điều 105 Luật Đất đai 2024 nhưng được hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 8											
	Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, mức hỗ trợ bằng 10% mức bồi thường theo quy định. Lý do: Tài sản xây											
	dựng trái mục đích, xây dựng trước ngày 01/7/2014 và quá trình tạo lập không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền.											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Phía Đông Bắc, Tường dài 34,7m. KT: 34,7*1,7	m2	59,0		1.420.000		80%		67.012.640	DG Stt 19, 18, mục VI, phần B, Phụ lục I, QĐ 23/2026	
-	Phía Tây Bắc. Tường dài 9,0m	m2	15,3		1.420.000		80%		11.973.440	DG Stt 19, 18, mục VI, phần B, Phụ lục I, QĐ 23/2026	
	Trong phạm vi: chiều dài 6,2m. KT: 6,2*1,7	m2	10,5								
	Ngoài phạm vi GPMB bị ảnh hưởng (tính đến trụ gần nhất), chiều dài 2,8m. KT: 2,8*1,7	m2	4,8								
-	Phía Đông Nam. Tường dài 9,0m	m2	15,3		1.420.000		80%		17.380.800	DG Stt 19, 18, mục VI, phần B, Phụ lục I, QĐ 23/2026	
	Trong phạm vi: chiều dài 6,2m. KT: 6,2*1,7	m2	10,5								
	Ngoài phạm vi GPMB bị ảnh hưởng (tính đến trụ gần nhất), chiều dài 2,8m. KT: 2,8*1,7	m2	4,8								
-	Móng tường rào xây cao hơn quy định 1,0 m được tính bù thêm (đơn giá móng tường rào chôn sâu 0,5m). KT: (34,7+9,0+9,0)*0,5*1,0	m ³	26,350		1.228.000		80%		25.886.240	DG Stt 8, mục VI, phần B, Phụ lục I, QĐ 23/2026	
	(Căn cứ mục 2.3, Phụ lục IV Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh)										
+	Giảm số tiền Tường rào xây thấp hơn quy định 10 cm, cứ 10cm giảm tương ứng 51.000đ/m2 (đơn giá hàng rào cao 1,8 m) KT: (34,7+9,0+9,0)*0,1	m2	5,3		-51.000		80%		-215.016		
	(Căn cứ mục 2.3, Phụ lục IV Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh)										
-	Bor cây từ 45 ngày đến hết năm thứ 1	cây	25,0		234.200				5.855.000	DG Stt 17, 1, mục B, Phụ lục I, QĐ 12/2025	
-	Vụ sửa từ 45 ngày đến hết năm thứ 1	cây	21,0		467.900				9.825.900	DG Stt 12, 1, mục B, Phụ lục I, QĐ 12/2025	
-	Mung đường kính >12cm đến ≤ 30 cm	cây	2,0		1.090.000				2.180.000	DG Stt 6, 1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025	
-	Sanh đường kính >12cm đến ≤ 30 cm	cây	1,0		545.000				545.000	DG Stt 6, 1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025	
	(Riêng sanh, si, đa, để giá bằng 50% mức giá trên. Cụ thể: 1.090.000 đ/cây*50% = 545000đ/cây)										
C	Các khoản hỗ trợ:									63.303.880	

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống:	khẩu	1,00									
-	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 11,23 % diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 04 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở. Cụ thể: 01 khẩu x 30kg/tháng x 04 tháng	kg	120,0			19.500				2.340.000		
	Tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi 13,55 % được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại GXN số 2106/GXN-UBND ngày 18/9/2025											
	(Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 108 Luật Đất đai 2024; điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; điểm b khoản 1 Điều 11 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
	(Giá gáo căn cứ Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng kỳ ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới)											
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất . Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất trồng cây hàng năm, vị trí 1 theo bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	212,3			5.600				1.188.880		
	(Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 11, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)											
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 5 lần * 56.000đ/m ² = 280.000/m ²	m ²	212,3			280.000				59.444.000		
	(Căn cứ khoản 1, Điều 22, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Hồ trợ làm thủ tục chỉnh lý GCN OSDD đối với thửa đất bị thu hồi	giấy	1,0			331.000				331.000	
(Căn cứ điểm a, khoản 2, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Bình)											
Căn cứ Công văn số 30/TPVHCC ngày 31/3/2026 của Trung tâm phục vụ hành chính công phường Đồng Thuận											
Công văn số 433/VP ĐKĐĐ-KHTC ngày 10/9/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai											
9/	UBND phường Đồng Thuận							0	0	0	0
-	Địa chỉ:										
4	Bồi thường về đất:							0			
Đất không được bồi thường theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai năm 2024.											
*	Đất tổ chức sử dụng										
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN) thửa đất số 671(1), TBD số 25	m ²	25,1					0			
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN) thửa đất số 302(1), TBD số 25	m ²	1043,0					0			
*	Đất tổ chức quản lý										
-	Đất giao thông (DGT) thửa đất số 333(1), TBD số 25	m ²	2588,8					0			
-	Đất giao thông (DGT) thửa đất số 301(1), TBD số 25	m ²	87,4					0			
-	Đất giao thông (DGT) thửa đất số 203(1), TBD số 56	m ²	1535,9					0			
-	Đất giao thông (DGT) thửa đất số 87(1), TBD số 56	m ²	3038,7					0			
	Tổng diện tích đất thu hồi:	m ²	8318,9								
B	Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:								0		
	Không có tài sản trên đất										
C	Các khoản hỗ trợ:									0	
	Tổng cộng:							85.914.000	365.885.000	388.312.000	840.111.000

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	

Số tiền bằng chữ: (Tám trăm bốn mươi triệu một trăm bảy mươi một nghìn đồng chẵn)./.

Đồng Hới, ngày 01 tháng 4 năm 2026

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Hương Giang